

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ- ST
Ngày 22 - 7 - 2021
“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Ông Đường Ngọc Đại;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1979, có mặt;

Đăng ký HKTT: Tổ x, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Hiện trú tại: Thôn K, xã T, huyện T, T.P Hà Nội;

*Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 4 năm 2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đặng Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2015 tại

UBND phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn với anh Đ, chị về Phúc Yên sinh sống cùng anh Đ tại nhà anh Đ tại tổ x, phường T, thành phố P. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ thường xuyên chửi bới chị, không tôn trọng chị. Hơn nữa hai vợ chồng chị lại không có con cái, nên cũng không có sự gắn kết và ràng buộc. Tháng 6 năm 2020 vợ chồng cãi vã mâu thuẫn, xác định không thể chung sống với anh Đ được nữa, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ dưới Hà Nội sinh sống cho đến nay. Quá trình chị sinh sống ở dưới Hà Nội, kể cả tết âm lịch vừa rồi anh Đ cũng không đến gặp gỡ, nói chuyện hàn gắn chuyện tình cảm vợ chồng với chị. Gia đình chị cũng đã khuyên nhủ rất nhiều, nhưng chị và anh Đ không còn tình cảm với nhau nữa. Khoảng tháng 8 năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Đ gửi Tòa án, sau đó Tòa án khuyên giải nên chị có rút đơn ly hôn về, nhưng chị và anh Đ vẫn không về sinh sống cùng nhau. Nay chị xác định giữa chị và anh Đ không còn tình cảm, nên chị lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Đ.

*Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, vay nợ chung và công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng anh Đ không đến làm việc. Cán bộ Tòa án và cán bộ UBND phường T phải đến tận nhà anh Đ, nhưng anh Đ có thái độ bất hợp tác không trình bày quan điểm. Tòa án đã gửi và tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và thông báo về việc thu thập được các tài liệu, chứng cứ cho anh Đ, nhưng anh Đ vẫn không ra Tòa làm việc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của

mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và anh Đ đều nhận nhưng không ra Tòa làm việc.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử;

Cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ;

Về con chung: Chị C và anh Đ không có, không xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có đơn đề nghị.

Chị Đặng Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 19 tháng 4 năm 2021, chị Đặng Thị C, sinh năm 1979; hiện trú tại: Thôn K, xã T, huyện T, T.P Hà Nội có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] . Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị C với anh Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy: Chị C và anh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết

hôn năm 2015 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chị C và anh Đ sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị C và anh Đ đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Tháng 8 năm 2020, chị C cũng đã làm xin ly hôn anh Đ, sau đó rút đơn về nhưng hai vợ chồng vẫn không về chung sống với nhau.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy trong quá trình chung sống chị C và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, chị C và anh Đ đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay.

Những lần Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải, anh Đ đều nhận nhưng không ra Tòa làm việc. Như vậy, anh Đ biết việc chị C xin ly hôn, nhưng anh cố tình không đến trình bày quan điểm và có thái độ bất hợp tác với Tòa án. Từ đó cho thấy anh Đ thực sự không quan tâm đến tâm tư, tình cảm của chị C, quan hệ vợ chồng giữa hai bên đã mâu thuẫn trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C luôn có quan điểm xin ly hôn anh Đ. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị C và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh Đ không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử

1. Cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Hai đương sự không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị C phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0008843 ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát T.P Phúc Yên;
- Thi hành án T.P Phúc Yên;
- UBND phường Trưng Trắc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy